

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Phong.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tú Tr, sinh năm 1986. Địa chỉ: khóm 4, phường a, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp LB, xã LK B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Trần Ngọc V, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp LB, xã LK B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Tú Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LK B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân có tự tìm hiểu trước. Sau khi cưới hai vợ chồng sống bên gia đình chị, chị buôn bán,

anh T làm thuê. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Cách đây khoảng hai năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi phụ xe khách, vợ chồng ở xa nhau, anh T thiếu sự quan tâm với vợ con, thường xuyên đi nhậu, bài bạc không chăm lo vợ con. Chị có khuyên can anh T lo làm ăn, tìm việc gần nhà để vợ chồng sống gần nhau nhưng anh T không đồng ý, chị có cho cơ hội nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Khoảng ba tháng nay, anh T đã nghỉ việc nhưng không về nhà, vợ chồng ly thân cho gần một năm nay, anh T về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay tình cảm không còn, chung sống không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về việc nuôi con: Có một con chung tên Trần Lê Minh T1, sinh ngày 01/8/2011, hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 từ nhỏ sống chung với chị và ông bà ngoại, hiện nay cháu học ở trường Tiểu học Hoàng Diệu, ở gần nhà chị. Chị có thuê nhà mở quán bán cà phê và hàng tạp hóa, thu nhập từ 300.000đ đến 400.000đ/ngày, đủ chi phí để nuôi cháu T1 và có cha mẹ chị phụ chăm sóc cháu Tân.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Trần Ngọc V trình bày: Bà là mẹ ruột anh T, mẹ chồng chị Tr, bà không có mâu thuẫn gì với chị Tr, anh T. Anh T, chị Tr tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Sau khi cưới, vợ chồng chị Tr, anh T sống bên gia đình chị Tr. Anh T hiện nay còn chung hộ khẩu với bà. Việc mâu thuẫn giữa chị Tr, anh T như thế nào bà không biết. Vợ chồng anh T, chị Tr có một con chung tên Trần Lê Minh T1, sinh ngày 01/8/2011, hiện đang sống chung với chị Tr. Gia đình người lớn hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm cho anh T, chị Tr. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn với anh T thì tùy vợ chồng anh T, chị Tr quyết định, bà không có ý kiến. Về tài sản chung và nợ chung của chị Tr, anh T bà đều không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tú Tr với anh Trần Ngọc T. Về việc nuôi con: Giao cháu Trần Lê Minh T1, sinh ngày 01/8/2011 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Anh Trần Ngọc T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu hoãn tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Người làm chứng bà Trần Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[4] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Tú Tr và anh Trần Ngọc T là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh B phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tú Tr là có căn cứ, vì: Chị Tr, anh T đã mâu thuẫn kéo dài hai năm nay do anh T thường xuyên uống rượu, chơi bài bạc thiếu sự quan tâm, chăm lo cho vợ con. Chị Tr có khuyên can nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Anh T, chị Tr đã không sống chung hơn một năm nay, không gặp nhau để hàn gắn tình cảm, anh T không tới lui thăm vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Tr, không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay chị Tr và anh T đã không còn sống chung, không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Tú Tr với anh Trần Ngọc T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về việc nuôi con: Có một con chung tên Trần Lê Minh T1, sinh ngày 01/8/2011, hiện đang sống với chị Tr. Từ trước đến nay cháu T1 đều sống chung với chị Tr, cháu T1 còn nhỏ rất cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ trong việc ăn uống, sinh hoạt và cháu T1 có nguyện vọng sống chung với chị Tr. Hiện nay, chị Tr mua bán nhỏ thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu T1 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống và đảm bảo quyền lợi về mặt của cháu T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con nhưng tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền thăm nom con chung: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[9] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chị Lê Thị Tú Tr chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000925 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn anh Trần Ngọc T không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tú Tr. Cho chị Lê Thị Tú Tr ly hôn với anh Trần Ngọc T.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung tên Trần Lê Minh T1, sinh ngày 01/8/2011 cho chị Lê Thị Tú Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr tự nguyện không yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Tú Tr chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số **0000925 ngày 07/8/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/11/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thì Trang